

Số /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Chấn,  
tỉnh Yên Bái đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030;

*Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt nhiệm vụ lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch vùng huyện; quy hoạch chung; quy hoạch phân khu các đô thị; quy hoạch chung các xã định hướng lên đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn tại Tờ trình số 288/TTr-UBND ngày 06/12/2024; Sở Xây dựng tại Tờ trình số 121/TTr-SXD ngày 09/12/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung như sau:

### **1. Phạm vi, ranh giới, quy mô, thời hạn lập quy hoạch**

**1.1. Phạm vi:** phạm vi lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Chấn là toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện Văn Chấn, bao gồm 24 đơn vị hành chính: 03 thị trấn (thị trấn Sơn Thịnh, thị trấn nông trường Liên Sơn, thị trấn nông trường Trần Phú) và 21 xã (An Lương, Bình Thuận, Cát Thịnh, Chấn Thịnh, Đại Lịch, Đồng Khê, Gia Hội, Minh An, Nậm Búng, Nậm Lành, Nậm Mười, Nghĩa Sơn, Nghĩa Tâm, Sùng Đô, Suối Bu, Suối Giàng, Suối Quyền, Tân Thịnh, Thượng Bằng La, Tú Lệ, Sơn Lương).

**1.2. Ranh giới:** phía Bắc giáp huyện Văn Yên và huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái; Phía Đông giáp huyện Yên Lập và huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; Phía Tây giáp thị xã Nghĩa Lộ, huyện Mù Cang Chải, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; Phía Nam giáp huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La và huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

**1.3. Quy mô:** diện tích lập quy hoạch 1.129,12 km<sup>2</sup> (112.911,98 ha).

**1.4. Thời hạn quy hoạch:** Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

### **2. Mục tiêu, tính chất, động lực và tiềm năng phát triển vùng**

#### **2.1. Mục tiêu**

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái, các định hướng quy hoạch có liên quan trên địa bàn tỉnh Yên Bái và cụ thể hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Văn Chấn theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần XIX;

- Quy hoạch huyện Văn Chấn theo các tiêu chí của huyện nông thôn mới nhằm xác định thực trạng và các nhiệm vụ cần triển khai làm cơ sở từng bước hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định;

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian vùng huyện, phân vùng chức năng phát triển phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của huyện đề ra trong mối quan hệ với vùng tỉnh và các khu vực xung quanh. Xây dựng huyện Văn Chấn phát huy bản sắc văn hóa, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, lập các quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện.

## **2.2. Tính chất**

- Là động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Tây của tỉnh Yên Bái. Là vùng đệm cầu nối trong chuỗi đô thị của hành lang Đông - Tây;

- Là một trong những trung tâm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái có các chức năng sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, dịch vụ thương mại và đầu mối giao thông vùng phía Tây;

- Là vùng du lịch văn hoá, lịch sử mang đậm bản sắc, vùng sinh thái thiên nhiên, vùng bảo tồn văn hoá bền vững của đồng bào dân tộc;

- Là huyện có vị trí quốc phòng, an ninh quan trọng.

## **2.3. Động lực và tiềm năng phát triển vùng**

Văn Chấn có tiềm năng phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản với các sản phẩm OCOP địa phương. Ngoài ra, huyện có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở khai thác các giá trị văn hóa, đời sống sinh hoạt của đồng bào dân tộc thiểu số và các lễ hội truyền thống, trong đó:

- Công nghiệp: Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp dựa trên lợi thế sẵn có của địa phương, như chế biến nông, lâm sản, thủy sản, thủy điện, khoáng sản. Đồng thời, định hướng phát triển công nghiệp theo hướng công nghệ cao, công nghiệp xanh và công nghiệp sinh thái, đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường;

- Du lịch sinh thái, cộng đồng: Phát triển các khu du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng, tập trung khai thác và phát huy bản sắc văn hóa đặc trưng của các đồng bào dân tộc. Đồng thời, kết nối chặt chẽ với các khu du lịch của các địa phương lân cận, hình thành một mạng lưới du lịch liên kết, đồng bộ và xuyên suốt, góp phần tạo sức hút và nâng cao giá trị du lịch khu vực;

- Nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản: Lấy khoa học công nghệ làm nền tảng, phát triển theo hướng hiện đại và bền vững, tập trung nâng cao chuỗi giá trị sản xuất. Đồng thời, tạo sự gắn kết chặt chẽ với du lịch địa phương, thúc đẩy các sản phẩm đặc trưng trở thành điểm nhấn trong phát triển kinh tế.

## **3. Dự báo các chỉ tiêu phát triển vùng**

### **3.1. Dự báo quy mô dân số, lao động**

Dự báo dân số và lao động huyện Văn Chấn (bao gồm dân số tăng tự nhiên, tăng cơ học và dân số quy đổi từ khách vắng lại, du lịch) theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:

- Hiện trạng năm 2023 dân số là 120.627 người, trong đó dân số đô thị khoảng 20.069 người, chiếm 16,7% tổng dân số. Lao động hoạt động trong các ngành kinh tế khoảng 52.000 người. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt khoảng 43,5%;

- Đến năm 2030 dân số toàn huyện khoảng 131.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 41.500 người, chiếm khoảng 31,7% tổng dân số. Lao động hoạt động trong các ngành kinh tế khoảng 67.000 người. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt khoảng 45%;

- Đến năm 2040, dân số toàn huyện khoảng 150.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 52.700 người, chiếm khoảng 35% tổng dân số. Lao động hoạt động trong các ngành kinh tế khoảng 74.800 người. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt khoảng 60%.

- Đến năm 2050, dân số toàn huyện khoảng 170.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 68.000 người, chiếm khoảng 40% tổng dân số. Lao động hoạt động trong các ngành kinh tế khoảng 82.400 người. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt khoảng 70%.

### ***3.2. Dự báo nhu cầu về đất đai***

- Hiện trạng năm 2023: đất xây dựng toàn huyện 2.833 ha, trong đó đất xây dựng đô thị 464 ha; đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn 2.369 ha;

- Đến năm 2030: Nhu cầu đất xây dựng toàn huyện khoảng 5.275 ha, trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 1.470 ha; đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 3.805 ha;

- Đến năm 2040: Nhu cầu đất xây dựng toàn huyện khoảng 5.830 ha, trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 1.655 ha; đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 4.175 ha;

- Đến năm 2050: Nhu cầu đất xây dựng toàn huyện khoảng 6.460 ha, trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 2.230 ha; đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 4.230 ha.

### ***3.3. Dự báo tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn quy hoạch***

- Hiện trạng năm 2023: tỷ lệ đô thị hoá đạt 16,7%;

- Đến năm 2030: tỷ lệ đô thị hóa khoảng 32%;

- Đến năm 2040: tỷ lệ đô thị hóa khoảng 35%;

- Đến năm 2050: tỷ lệ đô thị hoá khoảng 40%.

### ***3.4. Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác***

Tuân thủ QCVN01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 147/QĐ-UBND Ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt nhiệm vụ lập đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

#### 4. Phân vùng phát triển

Không gian phát triển vùng huyện được phát triển theo nguyên tắc dựa trên đặc điểm địa lý, tự nhiên và phát triển kinh tế cân đối. Toàn huyện được phân chia thành 03 tiểu vùng:

- Tiểu vùng 1-Vùng cao, thượng huyện: gồm đô thị mới Tú Lệ, Gia Hội, các xã Nậm Búng, Nậm Mười, Nậm Lành, Sơn Lương, Sùng Đô, An Lương, Nghĩa Sơn và TTNT Liên Sơn với hạt nhân phát triển là đô thị mới Gia Hội. Định hướng phát triển thương mại, dịch vụ phù hợp với tiềm năng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng nhằm thu hút đầu tư tại các đô thị mới Gia Hội, Tú Lệ. Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng như nếp Tú Lệ, gạo Sến Cù. Tiếp tục hình thành các vùng sản xuất hàng hóa có quy mô và sản lượng lớn (vùng lúa chất lượng cao, vùng chè, vùng chè...). Mở rộng vùng chè Shan tuyết và trồng mới chè Shan tại những khu vực có điều kiện phù hợp. Đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc và trồng rừng sản xuất. Tận dụng lợi thế tự nhiên để phát triển nuôi cá nước lạnh. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp chế biến nông - lâm sản, khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện...

- Tiểu vùng 2 - Vùng trong: bao gồm thị trấn Sơn Thịnh và các xã Suối Bu, Suối Quyền, Đồng Khê và Suối Giàng, trong đó thị trấn Sơn Thịnh là hạt nhân, đóng vai trò trung tâm tiểu vùng và cũng là trung tâm của huyện. Ưu tiên phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đẩy mạnh đa dạng hóa ngành nghề, xây dựng hạ tầng thương mại tại thị trấn Sơn Thịnh và xã Suối Giàng. Tập trung đầu tư vào du lịch sinh thái, cộng đồng và du lịch trải nghiệm tại các xã Suối Giàng, Đồng Khê, Suối Bu. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành vùng sản xuất tập trung như lúa chất lượng cao, rau an toàn, vùng trồng dâu nuôi tằm. Phát triển các cây trồng chủ lực như chè, gỗ rừng trồng, lúa, cây ăn quả và dược liệu tại các xã có điều kiện phù hợp.

- Tiểu vùng 3 – Vùng ngoài: gồm có thị trấn nông trường Trần Phú, đô thị mới Cát Thịnh, Tân Thịnh và các xã Chấn Thịnh, Bình Thuận, Minh An, Nghĩa Tâm, Thượng Bằng La, Đại Lịch. Đầu tư chăm sóc và áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất chè an toàn trên diện tích hiện có để đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các cơ sở chế biến trong khu vực. Khôi phục các giống cây đặc sản quý, sạch bệnh để nhân ra diện rộng. Mở rộng diện tích trồng cây ăn quả đồng thời cải tạo bằng giống cây mới có năng suất và chất lượng cao. Quảng bá thương hiệu “Cam Vãn Chấn” để nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh, tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm. Tập trung trồng mới rừng và bảo vệ diện tích rừng hiện có, đồng thời phát triển rừng trồng cây gỗ lớn hiệu quả cao. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi hàng hóa, tận dụng tối đa diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản. Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản (chè, hoa quả...), chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Chú trọng xây dựng hệ thống thương mại, bao gồm trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tự chọn và chợ nông thôn để thúc đẩy phát triển thương mại và du lịch. Khai thác giá trị văn hóa phi vật thể của các dân tộc trong phát triển du lịch văn hóa cộng đồng.

## **5. Định hướng phát triển không gian vùng huyện**

### **5.1. Định hướng tổ chức các khu vực phát triển đô thị, dân cư nông thôn**

#### *a) Định hướng phát triển hệ thống đô thị*

- Giai đoạn 2030: huyện Văn Chấn có 07 đô thị loại V bao gồm 3 đô thị hiện hữu (thị trấn Sơn Thịnh, thị trấn nông trường Trần Phú, thị trấn nông trường Liên Sơn) và 04 đô thị mới (đô thị mới Tân Thịnh, đô thị mới Cát Thịnh, đô thị mới Tú Lệ, đô thị mới Gia Hội);

- Giai đoạn 2031-2050: thị trấn Sơn Thịnh nâng cấp từ đô thị loại V lên đô thị loại IV, là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện Văn Chấn; Ngoài ra nâng cấp thị trấn nông trường Trần Phú, thị trấn nông trường Liên Sơn thành đô thị loại IV. Hình thành 01 đô thị mới loại V là đô thị Thượng Bằng La.

#### *b) Định hướng phát triển dân cư nông thôn*

- Phát triển điểm dân cư nông thôn trên cơ sở ổn định và mở rộng hệ thống dân cư hiện có. Tập trung phát triển các điểm dân cư ở khu vực trung tâm xã, dọc các trục đường chính của xã và trên cơ sở lấp đầy theo dân cư hiện hữu. Định hướng phát triển dân cư nông thôn trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng các xã đã được phê duyệt theo hướng tập trung phát triển phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã, xây dựng nông thôn theo hướng kết hợp cải tạo không gian cũ với phát triển mới các điểm dân cư nông thôn sản xuất nông nghiệp hiện đại, cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, giữ gìn và bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới và các nhu cầu phục vụ đời sống, sản xuất trên địa bàn xã. Khu vực nông thôn đóng vai trò hành lang xanh, cần kiểm soát việc xây dựng hợp lý, sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp tránh ảnh hưởng quỹ đất canh tác có năng suất cao;

- Kết hợp không gian văn hóa truyền thống với thiết chế văn hóa xã hội tạo đời sống văn minh. Bảo tồn và phát triển các khu vực làng nghề kết hợp phát triển du lịch, dịch vụ thương mại. Xây dựng nông thôn mới tạo ra sự phát triển hài hòa giữa các vùng, đặc biệt là tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các xã đặc biệt khó khăn. Các điểm dân cư nằm trong vùng du lịch kết hợp với mô hình du lịch sinh thái, nuôi trồng cây con đặc sản.

### **5.2. Định hướng phát triển các khu chức năng**

Trên địa bàn huyện Văn Chấn định hướng phát triển 03 cụm công nghiệp:

- Giai đoạn 2030:

+ Cụm công nghiệp Sơn Thịnh: quy mô 58,76 ha tại thị trấn Sơn Thịnh;

+ Cụm công nghiệp Thượng Bằng La với quy mô diện tích là 20 ha (giai đoạn 1);

- Giai đoạn 2031-2050:

+ Mở rộng diện tích cụm công nghiệp Thượng Bằng La từ 20 ha lên 50 ha (giai đoạn 2);

+ Phát triển cụm công nghiệp vùng Thượng huyện tại xã Nậm Búng với diện tích 63 ha;

- Phát triển tiêu thụ công nghiệp phù hợp tại thị trấn nông trường Liên Sơn và thị trấn nông trường Trần Phú, ưu tiên các ngành nghề chế biến nông, lâm, thủy sản và các sản phẩm từ gỗ rừng trồng;

- Tổ chức các địa điểm du lịch, homestay kết hợp trang trại, khám phá văn hóa, đặc sản địa phương. Giữ gìn các làng nghề truyền thống (Làng nghề trồng, chế biến và bảo quản chè đặc sản Suối Giàng, thôn Giàng B, xã Suối Giàng; Làng nghề trồng, sản xuất và chế biến sản phẩm từ nếp tan Tú Lệ - Thôn Nà Lóng và thôn Phạ Dưới, xã Tú Lệ); Phát triển các làng nghề xen kẽ trong các khu dân cư nông thôn, các cơ sở sản xuất chế biến nông, lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch (làng nghề trồng dâu nuôi tằm; làng nghề dệt thổ cẩm; làng nghề nuôi, chế biến mật ong; làng nghề trồng, chế biến bảo quản nông sản; làng nghề chế tác đá cảnh...);

- Tiếp tục tập trung khai thác các sản phẩm du lịch văn hóa, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử truyền thống của các dân tộc thiểu số; tập trung phát huy giá trị Lễ hội tôn vinh cây chè tổ xã Suối Giàng, Lễ hội xuân dân tộc Khơ Mú xã Nghĩa Sơn, Lễ hội Cầu mùa dân tộc Tày xã Thượng Bằng La. Chú trọng phát triển sản phẩm du lịch sinh thái; du lịch thể thao mạo hiểm; du lịch nông nghiệp...

### **5.3. Định hướng tổ chức phân bố hệ thống trung tâm**

#### **a) Trung tâm hành chính**

- Phát triển hệ thống cơ quan, công sở phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển tổ chức hành chính và định hướng phát triển không gian đô thị và nông thôn, đảm bảo bán kính phục vụ tới người dân;

- Nâng cấp, cải tạo trung tâm hành chính cấp huyện hiện hữu. Cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng các trung tâm hành chính cấp xã, trung tâm hành chính các đô thị mới tuân thủ quy hoạch nông thôn và quy hoạch đô thị.

*b) Trung tâm thương mại-dịch vụ:* Hệ thống trung tâm thương mại gắn với các khu vực phát triển đô thị, khu dân cư tập trung và các khu chức năng. Phát triển các điểm kinh doanh dịch vụ quy mô vừa và nhỏ, định hướng đưa ngành thương mại, dịch vụ đồng bộ gắn kết với phát triển du lịch trên cơ sở phát triển bền vững. Thu hút đầu tư phát triển siêu thị tổng hợp hạng III tại khu vực thị trấn Sơn Thịnh và các trung tâm thương mại tại các khu vực đô thị mới, trên trục giao thông động lực của vùng. Quy hoạch các chợ dân sinh tại các xã phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Đầu tư xây dựng kho nông sản phục vụ nhu cầu bảo quản và phân phối sản phẩm nông nghiệp hiệu quả.

#### **c) Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao**

- Sân vận động, nhà thi đấu đa năng, thư viện và trung tâm văn hóa và truyền thông huyện được cải tạo, đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt;

- Đầu tư xây dựng các công trình văn hóa - thể dục thể thao tại các xã, đồng thời đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa của huyện đảm bảo đạt chuẩn theo quy định, xây dựng các khu công viên, vườn hoa, cây xanh, quảng trường, sân bãi thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí nhằm phục vụ, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân;

- Giai đoạn đến năm 2040, định hướng đến năm 2050, thu hút đầu tư xây dựng mới nhà truyền thống và trung tâm tổ chức sự kiện tại thị trấn Sơn Thịnh.

*d) Trung tâm nghiên cứu, đào tạo*

- Sắp xếp mạng lưới, hệ thống trường và các điểm trường học theo hướng giảm số điểm trường lẻ. Mạng lưới trường học phân bố phù hợp theo quy hoạch được duyệt;

- Hệ thống trung tâm giáo dục và đào tạo cấp huyện như Trung tâm GDNN-GDTX, thu hút đầu tư trung tâm giáo dục nghề nghiệp (đào tạo nghề), trung tâm nghiên cứu và đào tạo, được quy hoạch tại thị trấn Sơn Thịnh và các đô thị. Nhằm đào tạo các ngành nghề đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với việc khai thác thế mạnh của vùng huyện và tỉnh.

*e) Trung tâm y tế:* Nâng cấp và mở rộng Trung tâm y tế huyện Văn Chấn đạt hạng II với chức năng là trung tâm chuyên ngành y tế cấp vùng huyện. Nâng cấp, cải tạo các phòng khám đa khoa khu vực Sơn Thịnh. Nâng cấp các trạm y tế tại các xã, bổ sung hoàn chỉnh trang thiết bị y tế đảm bảo 100% các trạm y tế đạt tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Y tế. Khuyến khích phát triển mạng lưới y học cổ truyền;

- Giai đoạn 2030-2040 tầm nhìn đến 2050 đầu tư xây dựng chuyên khoa lão khoa với quy mô giường bệnh 25-50 giường;

- Có chính sách ưu tiên phát triển các bệnh viện ngoài công lập giai đoạn 2040-2050 (bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa) tập trung vào các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại, được bố trí tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới.

*g) Trung tâm cụm xã, trung tâm xã*

- Đối với các khu vực trung tâm xã: Cải tạo, mở rộng, nâng cấp các trung tâm xã hiện hữu và kết hợp xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ theo quy hoạch, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội cho xã;

- Các điểm dân cư tập trung: Phát triển các điểm dân cư tập trung trên cơ sở các điểm dân cư hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang kết hợp xây dựng mới đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân, kết nối đô thị và khu dân cư hiện hữu, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên và cảnh quan thiên nhiên để phát triển phù hợp địa hình, tập quán của người dân, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương.

**5.4. Định hướng khu vực an ninh quốc phòng**

- Các quy hoạch đất an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện Văn Chấn được tuân thủ theo quy hoạch tỉnh, các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chuyên ngành về quốc phòng - an ninh đã được định hướng;

- Để đảm bảo yếu tố bí mật nên các điểm cao, dải địa hình có giá trị về quốc phòng - an ninh không được công bố rộng rãi về địa điểm, ranh giới, diện tích của từng khu vực.



### **5.5. Định hướng khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp**

- Chuyển đổi dần diện tích trồng lúa, ngô hiệu quả thấp sang trồng các loại cây trồng chủ lực, đặc sản, có giá trị kinh tế cao. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái để đáp ứng nhu cầu của thị trường và phục vụ du lịch;

- Quy hoạch, đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, tập trung vào các sản phẩm chủ lực có tiềm năng của địa phương. Phát triển mạnh chè Shan, trồng quế, trồng rừng, chăn nuôi đại gia súc; chăn nuôi các đặc sản địa phương (gà đen, lợn bản địa, trồng cây mắc ca...) tại các xã, thị trấn vùng cao thượng huyện; Phát triển trồng cây ăn quả, cây màu, mở rộng trồng cây mắc ca gắn nông nghiệp với du lịch sinh thái; phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm tại các xã, thị trấn thuộc vùng trong; Cải tạo vùng cây ăn quả, phát triển trồng rừng nguyên liệu, phát triển cây chè, đặc biệt là chè xanh chất lượng cao; phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm; mở rộng diện tích phát triển cây dâu tằm tại các xã, thị trấn vùng ngoài;

- Tổ chức sản xuất, chăn nuôi trang trại, gia trại, tập trung theo chuỗi khép kín, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao; đẩy mạnh mô hình chăn nuôi hữu cơ. Chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi, trên cơ sở áp dụng những tiến bộ khoa học, kỹ thuật;

- Vùng chăn nuôi tập trung: Phát triển chăn nuôi trâu, bò bán chăn thả và chăn nuôi gia cầm đặc sản hữu cơ tại các xã vùng cao, thượng huyện; phát triển chăn nuôi hàng hóa tại các xã vùng ngoài và vùng trong huyện; phát triển các cơ sở chăn nuôi công nghệ cao tại các xã Thượng Bằng La, xã Đại Lịch, thị trấn nông trường Trần Phú, xã Minh An, xã Nậm Búng...;

- Duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản với diện tích 200 ha trên toàn huyện; xây dựng vùng nuôi trồng thủy đặc sản chuyên canh, tập trung (nuôi ba ba) với quy mô 20 ha, tại các xã Cát Thịnh, thị trấn nông trường Trần Phú... Vùng nuôi cá nước lạnh 10 ha tại các xã Nậm Búng, xã Thượng Bằng La...

### **5.6. Định hướng các khu vực di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh**

Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa theo đề án "Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh Yên Bái gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2022-2030" được phê duyệt tại Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **5.7. Các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan**

- Bảo tồn, bảo vệ rừng tự nhiên trên địa bàn huyện;
- Bảo tồn các di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn huyện;
- Bảo vệ các khu vực xung quanh các khu khai thác khoáng sản.

## **6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **6.1. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật**

#### **a) Cao độ nền xây dựng**

- Lựa chọn cao độ nền phù hợp với điều kiện tự nhiên và theo từng khu vực, hướng dốc về các sông, kênh, rạch trong khu vực, đảm bảo tránh ngập lụt do mưa lũ và tạo điều kiện thoát nước tự nhiên tốt nhất;

- Cao độ xây dựng các đô thị, điểm dân cư tuân thủ theo các đồ án quy hoạch được phê duyệt và phải đảm bảo:

+ Thị trấn Sơn Thịnh, thị trấn nông trường Trần Phú, thị trấn nông trường Liên Sơn, đô thị loại IV giải pháp quy hoạch cao độ nền không chế tối thiểu được tính toán đối với khu vực trung tâm đô thị, khu dân cư tập trung:  $H_{xd} \geq H_{mn.max} (P=2\%) + 0,3 \text{ m}$ ; Khu công nghiệp:  $H_{xd} \geq H_{max} (P=2\%) + 0,5 \text{ m}$ ; Khu vực cây xanh, công viên, thể dục thể thao:  $H_{xd} \geq H_{mn.max} (P=10\%)$ ;

+ Đối với các đô thị mới loại V (Đô thị mới Tú Lệ, đô thị mới Cát Thịnh, đô thị mới Tân Thịnh, đô thị mới Gia Hội, đô thị mới Thượng Bằng La): giải pháp quy hoạch cao độ nền không chế tối thiểu được tính toán đối với khu vực trung tâm đô thị, khu dân cư tập trung:  $H_{xd} \geq H_{mn.max} (P=10\%) + 0,3 \text{ m}$ ; Khu công nghiệp:  $H_{xd} \geq H_{mn.max} (P=10\%) + 0,5 \text{ m}$ ; Đối với khu vực cây xanh, công viên, thể dục thể thao:  $H_{xd} \geq H_{mn.max} (P=50\%)$ .

- Các khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền, các khu vực xây mới được san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng, kết nối hài hòa với hiện trạng đảm bảo không gây ngập úng; Các khu vực còn lại có giải pháp san nền phù hợp với điều kiện địa hình tự nhiên và công năng sử dụng nhưng phải đảm bảo  $H_{xdmin} > H_{mực \text{ nước lớn nhất hằng năm}} + 0,5\text{m}$ .

#### *b) Thoát nước mưa*

- Đối với khu vực đô thị, khu chức năng: định hướng sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn;

- Đối với khu vực nông thôn: Các điểm dân cư tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa. Tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương có các giải pháp khác nhau để xây dựng hệ thống thoát nước cho phù hợp.

### **6.2. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông**

- Quốc lộ 32, Quốc lộ 37 tuân thủ hướng tuyến, lộ giới, cấp đường theo định hướng quy hoạch tỉnh. Đoạn đi qua đô thị, khu vực dự kiến hình thành đô thị, khu dân cư tập trung, khu chức năng (đối với quốc lộ và đường tỉnh) được thực hiện theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng;

- Đường tỉnh: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hợp Minh - Mỹ (ĐT. 172), đường Đại Lịch - Minh An (ĐT. 173) quy mô đường cấp IV - III miền núi. Hình thành mới các tuyến: Đường kết nối huyện Văn Chấn, huyện Trạm Tấu và huyện Mù Cang Chải (tỉnh Yên Bái) với huyện Mường La (tỉnh Sơn La); Đường Văn Chấn (Yên Bái) - Yên Lập (Phú Thọ); đường kết nối ĐT.172, QL.37, QL.32D với tuyến đường QL.32 đi cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Tuyến đường kết nối QL.32, tỉnh Yên Bái với QL.279 tỉnh Lào Cai;

- Tuyến đường kết nối với các tỉnh lân cận: Đường kết nối xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn (Yên Bái) - xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập (Phú Thọ); Đường kết nối xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn với Mường Thái, tỉnh Sơn La quy mô đường cấp V - IV miền núi;

- Nâng cấp các tuyến đường giao thông kết nối với các tuyến giao thông trọng điểm: Đường kết nối xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn (Yên Bái) - xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập (Phú Thọ); Đường kết nối xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn (Yên Bái) - xã Trung Sơn, huyện Yên Lập (Phú Thọ); Đường kết nối xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn với xã Mường Thái, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Đường Dốc Đỏ, thị trấn Nông trường Trần Phú - Bến Cao, xã Chấn Thịnh; Đường Sơn Thịnh - kết nối với đường đi nút giao IC15; Đường Sơn Thịnh - Tà Xi Láng, huyện Trạm Tấu; đường Sơn Thịnh - Suối Giàng - An Lương; đường Nghĩa Tâm - Trần Phú; Đường Nậm Búng - Cao Phạ; đường Sùng Đô - An Lương; đường Ba Khe - Đồng Khê; đường Đồng Khê - Hưng Khánh; đường Tú Lệ - Nậm Cỏ; đường Phù Nham - Suối Giàng - Sơn Lương...

- Đường đô thị: Đầu tư xây dựng hệ thống đường đô thị, đầu tư các tuyến tránh đối với QL32 đi qua các đô thị (Sơn Thịnh, Liên Sơn, Trần Phú, Tú Lệ, Gia Hội...) theo quy hoạch đô thị mới;

- Đường giao thông nông thôn: Hệ thống giao thông nông thôn được nâng cấp, mở rộng hoặc quy hoạch mới theo tiêu chí nông thôn mới. Quy mô các tuyến đường giao thông nông thôn phải đạt từ cấp C trở lên, nền đường rộng từ 3-5m, được bê tông hóa để phục vụ tốt nhu cầu đi lại, sản xuất, vận chuyển hàng hóa.

- Công trình phục vụ giao thông:

+ Xây dựng mới bến xe khách tại các đô thị mới Cát Thịnh, Tú Lệ, Thượng Bằng La, đô thị Sơn Thịnh và xã Chấn Thịnh. Đầu tư các bãi đỗ xe tĩnh tại các khu vực phát triển du lịch (Suối Giàng, Tú Lệ), thị trấn, trung tâm huyện, các đô thị mới; Xây dựng trạm dừng nghỉ trên tuyến Quốc lộ 32;

+ Sau năm 2030, định hướng phát triển tuyến xe buýt phục vụ nhu cầu đi lại của người dân và du khách trên địa bàn huyện phù hợp với định hướng các tuyến xe buýt liên huyện;

+ Xây dựng cầu Đồng Ban qua suối Nhì sau năm 2030 (trường hợp cần đổi được nguồn lực báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư sớm hơn); đồng thời xây dựng các cầu trung, cầu nhỏ khác trên các tuyến đường huyện, đường giao thông nông thôn đi các xã, thị trấn nhằm kết nối các khu vực cũng như phục vụ nhu cầu đi lại, phát triển kinh tế toàn vùng.

### **6.3. Định hướng quy hoạch hệ thống cấp nước**

- Nhu cầu dùng nước: Nhu cầu dùng nước khu vực đô thị: Hiện trạng 2023 khoảng 2.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đang cung cấp 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm); Giai đoạn đến 2030 khoảng 9.750 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Giai đoạn đến 2040 khoảng 11.630 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Giai đoạn đến 2050 khoảng 15.420 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nhu cầu dùng nước khu vực nông thôn: Hiện trạng 2023 khoảng 6.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (đang cung cấp 4.235 m<sup>3</sup>/ngày đêm); Giai đoạn đến 2030 khoảng 6.860 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Giai đoạn đến 2040 khoảng 7.630 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Giai đoạn đến 2050 khoảng 7.430 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn nước: Ngòi Thia, Ngòi Lao, Ngòi Hút, suối Nậm Bung...

- Giải pháp cấp nước:

+ Đô thị: Xây dựng các trạm xử lý, cung cấp nước sạch tại các đô thị, công suất đảm bảo nhu cầu sử dụng theo quy mô phát triển và phương án quy hoạch cấp nước của đề án quy hoạch chung;

+ Nông thôn: Tiếp tục sử dụng, phát huy các công trình cấp nước nông thôn hiện đang hoạt động tốt. Khắc phục, sửa chữa những công trình cấp nước nông thôn hiện trạng đang xuống cấp có thể sửa chữa. Xây dựng trạm cấp nước sạch cho xã Suối Giàng (phục vụ cho mục đích phát triển du lịch của địa phương).

#### **6.4. Định hướng quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải**

- Tổng lượng nước thải: Tổng lưu lượng nước thải phát sinh khu vực đô thị: Giai đoạn 2030 khoảng 7.250 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Giai đoạn 2040 khoảng 8.980 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Giai đoạn 2050 khoảng 11.910 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Tổng lưu lượng nước thải phát sinh khu vực nông thôn: Giai đoạn 2030 khoảng 5.980 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Giai đoạn 2040 khoảng 6.640 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Giai đoạn 2050 khoảng 6.450 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

- Đối với khu vực đô thị, khu chức năng, bắt buộc xây dựng hệ thống thoát nước riêng, xây dựng các cơ sở xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra môi trường;

- Đối với khu vực nông thôn: Các điểm dân cư tập trung phải có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường. Tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương, xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoặc nửa riêng hoặc chung với hệ thống thoát nước mưa;

- Các khu vực trang trại, chăn nuôi tập trung, nguồn thải phải được xử lý theo tiêu chuẩn và quy định về bảo vệ an toàn môi trường, triệt để khai thác nguồn thải vào các mục đích tái tạo khác;

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý cần đạt cột A của QCVN 14:2008/ BTNMT trước khi xả ra môi trường. Các khu dân cư tập trung của các xã khuyến khích sử dụng bể tự hoại cải tiến dạng bể BASTAF để xử lý nước thải, hạn chế ảnh hưởng đến môi trường.

#### **6.5. Định hướng quy hoạch quản lý chất thải rắn và nghĩa trang**

##### **a) Quy hoạch quản lý chất thải rắn**

- Tổng lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày đến năm 2030 khoảng 95 tấn/ngày, năm 2040 khoảng 110 tấn/ngày, đến năm 2050 khoảng 130 tấn/ngày;

- Đến năm 2026: Đóng cửa bãi chôn lấp chất thải rắn tại thị trấn Sơn Thịnh;

- Đến năm 2030:

+ Lò đốt CTR sinh hoạt cụm xã Thượng Bằng La, Minh An, Cát Thịnh, Thị trấn Nông trường Trần Phú, Nghĩa Tâm, Tân Thịnh, Chân Thịnh, Đại Lịch, Bình Thuận, huyện Văn Chấn (Công suất xử lý dự kiến 20 tấn/ngày);

+ Lò đốt CTR sinh hoạt cụm xã Tú Lệ, Nậm Búng, Gia Hội, huyện Văn Chấn và các xã Cao Phạ, Nậm Có của huyện Mường Chải (Công suất xử lý dự kiến 10 tấn/ngày).

- Giai đoạn 2031-2050 tiếp tục duy trì các lò đốt rác của giai đoạn đến 2030, hoàn thiện hệ thống xử lý chất thải rắn tại các khu vực còn lại trên địa bàn huyện.

*b) Quy hoạch nghĩa trang*

- Từng bước đóng cửa và di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, không đảm bảo về khoảng cách môi trường do gần các khu dân cư. Tiếp tục sử dụng các khu nghĩa trang đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn đã được phê duyệt quy hoạch;

- Cải tạo, mở rộng các nghĩa trang hiện có, kết hợp xây dựng mới một số nghĩa trang tại các đô thị hiện hữu và đô thị mới đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế và định hướng phát triển bền vững;

- Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng; kêu gọi đầu tư xây dựng các lò điện táng hiện đại, đảm bảo vệ sinh môi trường và phù hợp với nếp sống văn minh, hiện đại.

**6.6. Định hướng quy hoạch hệ thống cung cấp năng lượng**

- Tổng nhu cầu phụ tải điện đến năm 2030 khu vực đô thị là 27,3MW, năm 2040 là 42,7MW, đến năm 2050 là 62MW; Phụ tải điện khu vực nông thôn đến năm 2030 là 12,5MW, năm 2040 là 17,4MW, đến năm 2050 là 22,2MW;

- Nguồn điện: Huyện Văn Chấn cấp điện trực tiếp từ TBA 110kV Nghĩa Lộ 25MVA, đến năm 2025 trạm 110kV Nghĩa Lộ nâng công suất 2x25MVA. TBA 110kV Ba Khe 25MVA cấp cho phía Tây Nam huyện Văn Chấn;

- Xây dựng mới trạm 110kV Văn Chấn 40MVA giai đoạn ngoài 2030. Dự án điện sinh khối Yên Bái (xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn) công suất 18MW: dự kiến sẽ đấu nối về trạm 110kV Ba Khe thông qua đường dây 110kV dây dẫn AC185/10km;

- Lưới điện: Sử dụng các tuyến cao thế, trung thế hiện có, cải tạo các tuyến trung thế, nâng khả năng truyền tải điện và dịch chuyển theo việc mở rộng lòng lề đường. Đầu tư xây dựng các trạm hạ thế, lưới hạ thế và lưới chiếu sáng phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

**6.7. Định hướng quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động**

*a) Mạng truyền dẫn*

- Giai đoạn đến năm 2030: Tăng dung lượng các tuyến cáp quang hiện có để tăng dung lượng truyền dẫn từ 10 đến 20Tbps. Xây dựng mới các tuyến cáp quang đến tất cả các xã, thị trấn để đáp ứng các nhu cầu ứng dụng CNTT, các dịch vụ băng rộng.

- Giai đoạn năm 2040 - 2050: cáp quang hóa toàn bộ, tiếp tục nâng cấp dung lượng mạng cáp quang, nâng tốc độ truyền dẫn lên STM - 4 (622 Tbps) và STM-16 (2,5 Tbps), tăng số lượng cores cáp quang, tăng số lượng các mạch vòng kín ở những khu vực cho phép, nhằm giảm thiểu các sự cố rủi ro trong quá trình truyền dẫn.

*b) Mạng ngoại vi:* Mạng ngoại vi của khu vực nghiên cứu gồm các hệ thống cống, bể cáp và hầm cáp chạy trên vỉa hè đường. Hệ thống này được hạ ngầm trên các trục đường chính, mương dẫn cáp sử dụng kiểu 3 ống/3 lớp và 3 ống/2 lớp.

Tại mỗi khu qui hoạch sẽ có một bể kết nối cáp thông tin. Đặc biệt những đoạn qua đường nên sử dụng loại ống sắt hoặc kẽm  $\phi 110 \times 0,65$ . Tất cả cáp được đi trong hệ thống cống, bể cáp của mạng ngoại vi. Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiến ngoại, bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lí. Dịch vụ điện thoại di động sẽ được cung cấp bởi mạng điện thoại di động riêng của các nhà cung cấp dịch vụ.

*c) Mạng truy nhập Internet:* Truy nhập Internet băng rộng sẽ được phát triển theo 2 phương thức qua mạng cáp nội hạt và vô tuyến:

- Giai đoạn 2030: phát triển chủ yếu theo hướng truy nhập Internet qua mạng hữu tuyến; thí điểm công nghệ kết nối vô tuyến băng thông rộng 4G/5G với tốc độ truyền dữ liệu cao tại các đô thị;

- Giai đoạn 2031-2050: phát triển chủ yếu theo công nghệ NGN và công nghệ kết nối vô tuyến băng thông rộng 4G/5G với tốc độ truyền dữ liệu cao, có thể lên tới 100 Mbps, khu vực phủ sóng rộng, khả năng bảo mật cao.

### **7. Các giải pháp về bảo vệ môi trường trong vùng**

Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường;

- Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các điểm du lịch; Các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ;

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn sinh thủy, nguồn tiếp nhận nước thải, các cửa sông ngòi, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

### **8. Tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu**

- Xây dựng và phát triển đô thị bền vững, văn minh, hiện đại, gìn giữ được các công trình văn hóa, lịch sử, các công trình kiến trúc có giá trị;

- Chú trọng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị xanh, thông minh, giảm cường độ phát thải khí nhà kính. Đề ra các giải pháp hạn chế ùn tắc giao thông, giải quyết tốt úng ngập, ô nhiễm môi trường, tích cực thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển đô thị theo hướng tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả;

- Tăng cường không gian xanh đô thị, duy trì các khu vực sản xuất nông nghiệp và đặc biệt bảo vệ các lưu vực thoát nước tự nhiên, duy trì không gian mặt nước, thiết kế thích ứng chống chịu gió bão, thiết kế lưu vực giữ nước phòng

chống hạn hán, phục vụ tưới tiêu, vật liệu chịu úng, vật liệu thấm thấu cho lưu vực giữ nước. Kiểm soát tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng;

- Quy hoạch tái định cư cho các khu vực dân cư có khả năng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố biến đổi khí hậu;

- Xây dựng các bản đồ đánh giá nguy cơ sạt lở và lũ quét xảy ra ở địa phương; quy hoạch các vùng dân cư tránh sạt lở và lũ quét, cụ thể như: Đối với thiên tai sạt lở, nên lựa chọn xây dựng các khu dân cư cách xa ảnh hưởng của mái dốc. Đối với khu dân cư bắt buộc sống gần mái dốc thì mái dốc cần được gia cố bằng tường chắn kiên cố và lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm thiên tai sạt lở;

- Quy hoạch không gian sống an toàn, không ở những nơi mà dòng chảy hướng thẳng vào khu dân cư (quy hoạch khu dân cư trên bờ cong nhỏ của dòng suối); quy hoạch khu dân cư chỉ ở 1 bên bờ cao suối; xây dựng công trình bảo vệ bờ, dải đất bên bờ thấp không xây dựng dùng để sản xuất canh tác và là không gian thoát lũ nhằm giảm năng lượng dòng lũ khi thiên tai xảy ra;

- Tính toán cốt nền quy hoạch trên cơ sở xem xét tới thủy văn khu vực và tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đến khả năng thoát nước tự nhiên. Nâng cấp hệ thống kè sông, suối và công trình hạ tầng trọng yếu đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Quy hoạch thoát nước mưa, thoát nước thải trên cơ sở tính toán cốt nền thoát nước, vị trí các công trình đầu mối, hướng thoát nước đảm bảo thích ứng được với biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan.

## **9. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư**

**9.1. Các dự án ưu tiên:** Theo phụ lục các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư kèm theo;

**9.2. Nguồn vốn thực hiện:** nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

## **10. Thành phần hồ sơ**

Đảm bảo theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

## **11. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện**

Được ban hành kèm theo đồ án là các quy định cụ thể về nguyên tắc phát triển, việc quản lý, kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan khu vực đô thị và nông thôn, khu chức năng khác... trong phạm vi đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Chấn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai đồ án để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch; Bàn giao hồ sơ quy hoạch;

- Rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung các nội dung quy hoạch trong các đồ án quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với nội dung của đồ án và quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt;

- Trên cơ sở đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư, xây dựng kế hoạch để thực hiện quy hoạch đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành.

**2.** Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

**3.** Các Sở, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, thực hiện nhiệm vụ được phân công, có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn triển khai và cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

**Điều 3:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Giao thông Vận tải; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD, TNMT, TKTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thế Phước**



**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HUYỆN VĂN CHẤN**  
**ĐẾN NĂM 2040, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

Stt	Danh mục dự án	Quy mô, công suất	Giai đoạn đầu tư			Nguồn vốn đầu tư đề xuất
			2030	2040	2050	
<b>A</b>	<b>Các dự án công trình hạ tầng xã hội</b>					
<b>I</b>	<b>Trụ sở cơ quan</b>					
1	Xây dựng trụ sở trung tâm hành chính huyện			x		NSNN
<b>II</b>	<b>Dịch vụ thương mại</b>					
1	Trung tâm thương mại Văn Chấn (Thị trấn Sơn Thịnh)	1-1,5ha	x			Ngoài NSNN
2	Chợ đầu mối xã Chấn Thịnh (Xây dựng mới ở địa điểm mới)	0,6ha	x			NSNN và XHH
3	Xây mới Cụm thương mại-dịch vụ	5ha	x			Ngoài NSNN
4	Thu hút đầu tư các dự án Thương mại - dịch vụ ở các xã, thị trấn có điều kiện phù hợp		x	x	x	Ngoài NSNN
<b>III</b>	<b>Giáo dục và Đào tạo</b>					
1	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trường học đảm bảo cơ sở vật chất đạt chuẩn		x	x	x	NSNN
2	Cải tạo nâng cấp Trung tâm GDNN-GDTX huyện		x	x		NSNN
<b>IV</b>	<b>Y tế</b>					
1	Nâng cấp trung tâm y tế huyện đạt hạng II	220-250 giường	x	x		NSNN
2	Đầu tư, nâng cấp mở rộng phòng khám đa khoa khu vực tại huyện		x	x		NSNN

Stt	Danh mục dự án	Quy mô, công suất	Giai đoạn đầu tư			Nguồn vốn đầu tư đề xuất
			2030	2040	2050	
2	Cải tạo, nâng các trạm y tế		x	x	x	NSNN, nguồn vốn ODA, XHH
<b>V</b>	<b>Văn hóa, Thể dục thể thao</b>					
1	Sân vận động huyện Văn Chấn, thị trấn Sơn Thịnh	2000-2.500 m <sup>2</sup>	x			NSNN, XHH
2	Nhà thi đấu huyện Văn Chấn	2,5-3,0ha	x			NSNN, XHH
3	Sân vận động xã Chấn Thịnh	0,07ha	x			NSNN, XHH
4	Sân vận động Thượng Bằng La			x		NSNN, XHH
5	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hoá, TDTT các xã, thị trấn		x	x	x	NSNN, XHH
<b>VI</b>	<b>Du lịch</b>					
1	Khu du lịch nghỉ dưỡng Thái Dương (thị trấn Sơn Thịnh)	52,98 ha	x	x	x	Ngoài NSNN
2	Khu nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Tú Lệ	88ha	x	x	x	Ngoài NSNN
3	Du lịch nông nghiệp kết hợp với văn hoá cộng đồng (xã Tú Lệ)	73,5ha	x	x	x	NSNN, XHH
4	Khu dân cư sinh thái và du lịch chăm sóc sức khỏe Gia Hội	70ha	x	x	x	Ngoài NSNN
5	Các dự án du lịch, nghỉ dưỡng, trải nghiệm văn hóa, thể thao tại Suối Giàng và các xã, thị trấn có điều kiện phù hợp		x	x	x	Ngoài NSNN
<b>VII</b>	<b>Di tích lịch sử-văn hoá, danh lam thắng cảnh</b>					
1	Di tích quốc gia đèo Lũng Lô (xã Thượng Bằng La)	6,63ha	x	x	x	NSNN, XHH

Stt	Danh mục dự án	Quy mô, công suất	Giai đoạn đầu tư			Nguồn vốn đầu tư đề xuất
			2030	2040	2050	
2	Xây dựng bia di tích và khu tưởng niệm đồng dân quân xã Cát Thịnh	0,1ha	x	x	x	NSNN, XHH
3	Xây dựng công trình tưởng niệm và bia di tích nơi thành lập đội du kích Đá Đô	15,95ha	x	x	x	NSNN, XHH
4	Đình Bằng Là xã Đại Lịch	0,1ha	x	x	x	XHH
5	Đồn Đại Lịch	1,91ha	x	x	x	NSNN, XHH
6	Xây dựng bia di tích và khu tưởng niệm trận Đánh Pháp tại Làng Mỹ năm 1947 xã Tân Thịnh	0,03ha	x	x	x	NSNN, XHH
7	Đồn Ba Khe xã Cát Thịnh	0,05ha	x	x	x	NSNN, XHH
8	Xây dựng bia di tích và khu tưởng niệm địa điểm chứng tích tội ác giặc Pháp thôn Đồng Bò (1947- 1950) xã Chấn Thịnh	0,74ha	x	x	x	NSNN, XHH
9	Đình, đền, chùa Chấn Thịnh	0,67ha	x	x	x	XHH
10	Đình, đền, chùa Thượng Bằng La	0,49ha	x	x	x	XHH
11	Điểm đánh Pháp tại đèo Din xã Đại Lịch	0,5ha	x	x	x	NSNN, XHH
<b>B</b>	<b>Các dự án hạ tầng kỹ thuật</b>					
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>					
1	Cải tạo nâng cấp QL 32 theo tiêu chuẩn đường cấp III và cấp IV miền núi hoàn chỉnh	175km	x	x	x	NSNN
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Quốc lộ 37 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV và cấp III miền núi hoàn chỉnh	94,1km	x	x	x	NSNN
3	Đường Văn Chấn (Yên Bái)-Yên Lập (Phú Thọ)	18km	x	x	x	NSNN

Stt	Danh mục dự án	Quy mô, công suất	Giai đoạn đầu tư			Nguồn vốn đầu tư đề xuất
			2030	2040	2050	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hợp Minh – My (ĐT. 172)	34km	x	x	x	NSNN
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đại Lịch – Minh An (ĐT. 173)	26km	x	x	x	NSNN
6	Tuyến đường kết nối ĐT.172, QL.37, QL.32D với tuyến đường QL.32 đi cao tốc Nội Bài – Lào Cai	55km	x	x	x	NSNN
7	Đường kết nối xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn (Yên Bái) – xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập (Phú Thọ).	7km	x	x	x	NSNN
8	Đường kết nối xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn với Mường Thái, tỉnh Sơn La.		x	x	x	NSNN
9	Xây dựng mới các bến xe khách trên địa bàn huyện Văn Chấn tại các xã Cát Thịnh, Chấn Thịnh, Tú Lệ, Thượng Bằng La, Sơn Thịnh.		x	x	x	NSNN và XHH
10	Cầu Đồng Ban, thị trấn Sơn Thịnh			x		NSNN
<b>II</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>					
1	Kè suối Nậm Lùng, suối Nậm Có bảo vệ khu dân cư và 100ha đất lúa, phát triển du lịch		x	x		NSNN và XHH
2	Kè suối Nhì bảo vệ khu dân cư, phát triển du lịch		x	x		NSNN và XHH
3	Kè suối Phà bảo vệ khu dân cư		x	x		NSNN
4	Kè suối Thia bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất đoạn thị trấn nông trường Liên Sơn, Sơn Lương		x	x		NSNN
5	Xây mới đập Phai Rin, diện tích tưới 190ha	190ha	x			NSNN
6	Xây mới đập Sài Lương 2, diện tích tưới 210 ha.	210 ha	x			NSNN

Stt	Danh mục dự án	Quy mô, công suất	Giai đoạn đầu tư			Nguồn vốn đầu tư đề xuất
			2030	2040	2050	
7	Xây mới Khe Hoi1 thay thế cho Khe Hoi 1, 2 và 3 (diện tích tưới 7ha) thị trấn nông trường Trần Phú.	7ha	x			NSNN
8	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi hồ Khe Thắm, diện tích tưới 25ha	25ha		x		NSNN
9	Cải tạo, nâng cấp các công trình: - Thủy lợi Cứu Mèo, Hồng Ban (26,75ha); - Thủy lợi Nước Nóng (13,4ha); - Thủy lợi Bản Chao (50ha); - Thủy lợi Cốc Cù (20ha); - Thủy lợi Bản Tó (10ha); - Thủy lợi Làng Cò (18ha); - Thủy lợi Nang Phai (196,8ha); - Thủy lợi Khe Lo (7,3ha); - Thủy lợi đập Cốc Cù (12,6ha); - Thủy lợi Tuyến Mắm 2+3 (16ha); - Thủy lợi Bà Nội 3 (39ha); - Thủy lợi Bản Đường (43,2ha); - Thủy lợi Thôn Phào (5ha); - Thủy lợi Cò Noòng (10ha); - Thủy lợi Mắm 2 (15ha); - Thủy lợi Kim Vàng (4ha); - Thủy lợi Khe Vác 1 (5,4ha); - Thủy lợi Làng Đặng (4ha); - Thủy lợi Ngã 2 (10,2ha), - Thủy lợi Ngòi Nhì (85,5ha); - Thủy lợi Phai Ông Sớ (23,8ha).		x	x	x	NSNN
10	Cải tạo, nâng cấp các công trình: đập Bản Đồn I, đập Phai Kẹn, đập Bản Xè, đập Ông Cống, đập trung tâm xã, đập Nà La, đập Thác Hoa, đập Khe Trang, đập Suối Dầm.			x	x	NSNN
<b>III</b>	<b>Cấp nước</b>					
1	Xây dựng trạm cấp nước công suất khoảng 1.100 m <sup>3</sup> /ngày đêm cấp cho thị trấn Nông trường Trần Phú	1.100m <sup>3</sup>	x			NSNN và XHH

Stt	Danh mục dự án	Quy mô, công suất	Giai đoạn đầu tư			Nguồn vốn đầu tư đề xuất
			2030	2040	2050	
2	Xây dựng trạm cấp nước công suất khoảng 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm cấp cho thị trấn Nông trường Liên Sơn và các xã lân cận	1.000m <sup>3</sup>	x			NSNN và XHH
3	Xây dựng trạm cấp nước công suất khoảng 1.300 m <sup>3</sup> /ngày đêm cấp cho đô thị Tú Lệ và các xã lân cận	1.300m <sup>3</sup>	x			NSNN và XHH
4	Xây dựng trạm cấp nước công suất khoảng 1.700 m <sup>3</sup> /ngày đêm cấp cho đô thị Cát Thịnh và các xã lân cận	1.700m <sup>3</sup>	x			NSNN và XHH
5	Xây dựng trạm cấp nước công suất khoảng 1.200 m <sup>3</sup> /ngày đêm cấp cho đô thị Tân Thịnh và các xã lân cận	1.200m <sup>3</sup>	x			NSNN và XHH
6	Xây dựng trạm cấp nước công suất khoảng 1.200 m <sup>3</sup> /ngày đêm cấp cho đô thị Gia Hội và các xã lân cận	1.200m <sup>3</sup>	x			NSNN và XHH
7	Xây dựng trạm cấp nước công suất khoảng 1.900 m <sup>3</sup> /ngày đêm cấp cho đô thị Thượng Bằng La và các xã lân cận	1.900m <sup>3</sup>		x		NSNN và XHH
8	Xây dựng trạm cấp nước xã Suối Giàng	500m <sup>3</sup>	x	x		NSNN và XHH
<b>IV</b>	<b>Thoát nước thải</b>					
1	Xây dựng trạm xử lý nước thải thị trấn Sơn Thịnh, công suất dự kiến 500 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	500m <sup>3</sup>	x	x		NSNN và XHH
2	Xây dựng trạm xử lý nước thải thị trấn Nông trường Trần Phú, công suất dự kiến 800 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	800 m <sup>3</sup>	x	x		NSNN và XHH
3	Xây dựng trạm xử lý nước thải thị trấn Nông trường Liên Sơn, công suất dự kiến 700 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	700 m <sup>3</sup>	x	x		NSNN và XHH
4	Xây dựng trạm xử lý nước thải đô thị Tú Lệ, công suất dự kiến 700 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	700 m <sup>3</sup>	x	x		NSNN và XHH

Stt	Danh mục dự án	Quy mô, công suất	Giai đoạn đầu tư			Nguồn vốn đầu tư đề xuất
			2030	2040	2050	
5	Xây dựng trạm xử lý nước thải đô thị Cát Thịnh, công suất dự kiến 900 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	900 m <sup>3</sup>	x	x		NSNN và XHH
6	Xây dựng trạm xử lý nước thải đô thị Tân Thịnh, công suất dự kiến 600 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	600 m <sup>3</sup>	x	x		NSNN và XHH
7	Xây dựng trạm xử lý nước thải đô thị Gia Hội, công suất dự kiến 600 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	600 m <sup>3</sup>	x	x		NSNN và XHH
8	Xây dựng trạm xử lý nước thải đô thị Thượng Bằng La, công suất dự kiến 800 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	800 m <sup>3</sup>			x	NSNN và XHH
<b>V</b>	<b>Nông, lâm nghiệp</b>					
1	Các dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến nông lâm sản, thức ăn chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp sạch, công nghệ cao ở các xã có điều kiện phù hợp		x	x	x	Ngoài NSNN
<b>VI</b>	<b>Chất thải rắn</b>					
1	Lò đốt CTRSH cụm xã Thượng Bằng La, Minh An, Cát Thịnh, Thị trấn Nông trường Trần Phú, Nghĩa Tâm, Tân Thịnh, Chấn Thịnh, Đại Lịch, Bình Thuận, huyện Văn Chấn.	Công suất xử lý dự kiến 20 tấn/ngày	x			NSNN và XHH
2	Lò đốt CTRSH cụm xã Tú Lệ, Nậm Búng, Gia Hội, huyện Văn Chấn và các xã Cao Phạ, Nậm Có của huyện Mường Chải.	Công suất xử lý dự kiến 10 tấn/ngày	x			NSNN và XHH